Tuân thủ: GHS (rev 7) (2017).
Thông tư số 2/2017 / TT-BCT / Thông tư số 32/2017 / TT-BCT Chỉ định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 13/2017 / ND-CP. - Việt Nam

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh	:	18.04.2023
Ngày phát hành lần trước	:	00.00.0000
Phiên bản	:	1.0

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

YaraSuna Organic 3.5-2-2

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Số CAS	:	Không có sẵn.
Số UN	:	Không áp dụng.
Số đăng ký EC	:	Không có sẵn.
Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)	:	YaraSuna Organic 3.5-2-2
Tên hóa chất	:	
Loại sản phẩm	:	Rắn
Mã sản phẩm	:	PK98MS

Ứng dụng

Khu vực áp dụng	:	Các ứng dụng chuyên nghiệp
Cách sử dụng nguyên liệu.	:	Phân bón.

Nhà cung cấp

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp	:	Yara Vietnam Ltd..

ĐỊA CHỈ

Đường	:	Fl. 14 Empress Tower 138 - 142 Hai Ba Trung, Da Kao Ward, District 1
THÀNH PHỐ	:	Ho Chi Minh City
Quốc Gia	:	Viet Nam
Số Điện Thoại	:	+84 28 3829 6869

Số fax	:	+84 28 3827 9317
Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này	:	yaraasiapacific@yara.com
Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động)	:	+84 28 4458 2388 (Việt Nam, 24/7)

Cơ quan tư vấn quốc gia/Trung Tâm Độc Chất

Tên	:	Trung Tâm Kiểm Soát Chất độc - Bệnh viện Bạch Mai
Số Điện Thoại	:	: +84 24 38693731 ext 6821

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm. : Không phân loại.

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Từ cảnh báo	:	Không có từ cảnh báo.
Cảnh báo nguy cơ	:	Không áp dụng.
Các công bố về phòng ngừa	:	Không áp dụng.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	:	Không biết chất nào.
Thông tin bổ sung	:	Không.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Chất

Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

Số UN : Not available

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số CAS
	100	Số CAS: Không có sẵn.Số đăng ký EC: Không có sẵn.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.
Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt	:	Rửa sạch với nhiều nước chảy thành dòng. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
Hít phải	:	Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.
Tiếp xúc ngoài da	:	Rửa với xà phòng và nước. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu bị khó chịu.
Nuốt phải	:	Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Hít phải	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Nuốt phải	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Hít phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Nuốt phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	:	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
Điều trị cụ thể	:	Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu	:	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp	:	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
Các chất chữa cháy không phù hợp	:	Không nhận dạng được cái nào.
Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	:	Không có nguy cơ cụ thể về việc nổ hoặc hỏa hoạn.
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm	:	Tránh hít phải bụi, hơi hay khói từ chất đang cháy. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy	:	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	:	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
Nhận xét	:	Không gây nổ.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu	:	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
Cho các nhân viên cấp cứu	:	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
Đề phòng cho môi trường	:	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ	:	Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hút hoặc quét chất liệu và đổ vào một đồ đựng được chỉ định và có đề nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng	:	Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hút hoặc quét chất liệu và đổ vào một đồ đựng được chỉ định và có đề nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Không dùng cho con người và động vật.

Biện pháp bảo vệ	:	Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát	:	Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ	:	Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống.Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng.Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp	:	Không có cái nào.
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	:	Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.
Kiểm soát phơi nhiễm môi trường	:	Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây

chuyển để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh	:	"Dụng cụ rửa mắt hoặc da nên sẵn sang để sử dụng". Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại.
Bảo vệ mắt	:	Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay	:	Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Đối với các ứng dụng chung, chúng tôi khuyên bạn nên dùng găng tay có độ dày tiêu biểu lớn hơn 0,35 mm. Điều cần nhấn mạnh là độ dày của găng tay không nhất thiết là chỉ báo tốt cho tính bền của găng tay đối với hóa chất cụ thể, vì hiệu quả thẩm thấu của găng tay tùy vào cấu tạo chính xác của vật liệu làm găng tay.
Bảo vệ thân thể	:	Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
Biện pháp bảo vệ da khác	:	Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
Bảo vệ hô hấp	:	Trong trường hợp thông gió kém hãy mang đồ bảo vệ hô hấp.
Thiết bị bảo hộ cá nhân (Tượng hình)	:	

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

Trạng thái vật lý	:	Rắn
Màu sắc	:	Màu nâu.,
Mùi	:	Không xác định.
pH	:	8,5 - 9

Điểm chảy/điểm đông	:	Không xác định.
Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi	:	Không áp dụng.
Điểm bùng cháy	:	Không áp dụng.
Khả năng cháy	:	Không cháy.
Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy	:	**Thấp hơn:** Không áp dụng. **Trên:** Không áp dụng.
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng.
Mật độ hơi tương đối	:	Không áp dụng.
Mật độ	:	Không xác định.
(Các) độ tan	:	Không xác định.
Hệ số phân chia nước/Octanol	:	Không áp dụng.
Nhiệt độ tự cháy	:	Không áp dụng.
Nhiệt độ phân hủy	:	Không áp dụng.
Tính dẻo	:	**Động lực học:** Không áp dụng.
Thuộc tính nổ	:	Không gây nổ.
Thuộc tính oxy hóa	:	Không oxy hóa.

Đặc tính hạt

Kích thước hạt trung bình	:	Không xác định.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	:	Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	:	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	:	Tránh nhiễm bẩn bằng mọi nguồn kể cả kim loại, bụi và chất hữu cơ.
Các vật liệu không tương thích	:	Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có mối nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Kết luận/Tóm tắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Kích ứng/Ăn mòn

Kết luận/Tóm tắt

Da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hô hấp : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nhạy cảm

Kết luận/Tóm tắt

Da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hô hấp : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến

Kết luận/Tóm tắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt : Không có thông tin cụ thể gì.

Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da : Không có thông tin cụ thể gì.

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tính gây ung thư	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính sinh sản	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Những ảnh hưởng khác	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Hít phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Nuốt phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

N/A

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Kết luận/Tóm tắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độ bền và khả năng phân hủy

Kết luận/Tóm tắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Khả năng tồn lưu

Kết luận/Tóm tắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (KOC)	:	Không có sẵn.
Tính cơ động	:	Không có sẵn.
Hậu quả xấu khác	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại

nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm

Các phương pháp xử lý : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Không quản lý.	Không quản lý.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	Không áp dụng.	Không áp dụng.	Không áp dụng.
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	Không áp dụng.	Không áp dụng.	Không áp dụng.
Quy cách đóng gói	Không áp dụng.	Không áp dụng.	Không áp dụng.
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.	Không.

14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: Nên

đảm bảo là những ngườichuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bịđổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : **Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền** : YaraSuna Organic 3.5-2-2

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

NFPA

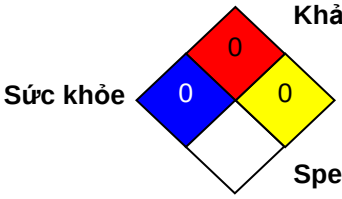

HMIS

Sức khỏe	/	0
Khả năng cháy		0
Nguy hiểm thể chất		0

Bảng từ viết tắt :

ADN = Quy định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa
ADR = Hiệp định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ
ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
bw = trọng lượng cơ thể
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
N/A = Không có sẵn
RID = Các quy định về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
SUSMP - Standard Uniform Schedule of Medicine and Poisons
NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)
SGG = Nhóm Phân tách
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Không phân loại.

Nguồn dữ liệu chính : EU REACH ECHA/IUCLID5 CSR.

National Institute for Occupational Safety and Health, U.S. Dept. of Health, Education, and Welfare, Reports and Memoranda Registry of Toxic Effects of Chemical Substances.
Sphera Solutions Inc., 4777 Levy Street, St Laurent, Quebec HAR 2P9, Canada.

Lịch sử

Ngày in	:	20.11.2023
Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	:	18.04.2023
Ngày phát hành lần trước	:	00.00.0000
Phiên bản	:	1.0
Chuẩn bị bởi	:	Product Stewardship and Compliance (PSC).

|| Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này. Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.